

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 14 - 01 - 2021.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Phong

Bà Phạm Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai P - Sinh năm 1981

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: Trạm y tế xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn D - Sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị P có mặt, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai đề ngày 15/10/2020 và ngày 02/12/2020 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mai P trình bày:

Chị và anh Phạm Văn D có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 04 năm 2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm xây dựng nhà ở khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thùy D, sinh ngày 24/01/2010 và Phạm Thị Ánh D, sinh ngày 11/02/2017. Hiện cả 02 con chung đều đang ở với chị P. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 11 năm 2020, anh Phạm Văn D trình bày:

Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai P. Về con chung, vợ chồng có hai con chung là Phạm Thùy D, sinh ngày 24/01/2010 và Phạm Thị Ánh D, sinh ngày 11/02/2017. Hiện hai con chung đang ở với chị P. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị P nuôi dưỡng hai con chung và cấp dưỡng tiền nuôi cả hai con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, khoản nợ, vợ chồng anh tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị P vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh D. Về con chung, sau khi ly hôn chị P có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Tài sản chung, công nợ vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn nhiều lần được Tòa án nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 228 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị P, anh D sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai P.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mai P về phần con chung. Giao chị Nguyễn Thị Mai P trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng 02 con

chung là Phạm Thùy D, sinh ngày 24/01/2010 và Phạm Thị Ánh D, sinh ngày 11/02/2017. Anh Phạm Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Bị đơn nhiều lần được Tòa án nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chi Nguyễn Thị Mai P và anh Phạm Văn D có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 04 năm 2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Cuối năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân từ đó nay không ai quan tâm đến ai.

Sau khi chị P có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện cho anh D được biết. Tại bản tự khai ngày 24/11/2020, anh D đã trình bày:

Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai P. Về con chung, vợ chồng có hai con chung là Phạm Thùy D, sinh ngày 24/01/2010 và Phạm Thị Ánh D, sinh ngày 11/02/2017. Hiện hai con chung đang ở với chị P. Sau khi ly hôn, anh đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi cả hai con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, khoản nợ, vợ chồng anh tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị P và anh D đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D không có mặt nên việc hòa giải không tiến hành được. Tại các bản tự khai và tại phiên tòa, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, cả anh D và chị P đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh D đã thực sự tan vỡ, vợ chồng sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị P xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: Hiện tại hai con chung đang ở với chị P từ khi vợ chồng sống ly thân. Anh D cũng đồng ý để chị P nuôi dưỡng cả hai con chung và nhận cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Để đảm bảo việc học tập, chăm sóc giáo dục con chung cần giao cho chị P có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Mai P và anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Mai P có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Thùy D, sinh ngày 24/01/2010 và Phạm Thị Ánh D, sinh ngày 11/02/2017.

Anh Phạm Văn D phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung mỗi tháng là 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 01 năm 2021 đến khi cả hai con chung thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

Hiện cả hai con chung đều đang ở với chị P. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Mai P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002228 ngày 07/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng: Anh Phạm Văn D phải nộp 300.000 đồng.

4. Chị Nguyễn Thị Mai P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà

